TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2020
V/v ly hôn giữa chị Chung và anh Quỳnh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Hoàng

2. Ông Ngọc Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động *tham gia phiên toà:* Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên;

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngọc Thị C**, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: **Ngọc Văn Q**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Ngọc Thị C trình bày: Chị kết hôn với anh Ngọc Văn Q vào năm 1991, việc kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/10/2003 tại UBND xã L, huyện Sơn Động. Tình cảm vợ chồng ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn

vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2010, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống, anh Q còn thường xuyên rượu chè, không chịu làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Vợ chồng chị vẫn sống cùng nhau nhưng đã ly thân nhau về mặt tình cảm từ năm 2010 đến nay. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Ngọc Văn Q được ly hôn nhau.

Vợ chồng có 03 con chung là cháu Ngọc Thị H, sinh năm 1993, cháu Ngọc Văn H, sinh năm 1996 và cháu Ngọc Văn T, sinh năm 2000. Hiện các cháu đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Về quan hệ tài sản, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020, bị đơn là anh Ngọc Văn Q trình bày: Anh xác nhận chị C trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng; anh xác định tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017, khi chị C đi xuất khẩu lao động trở về. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị C và mong muốn đoàn tụ vợ chồng nên chị C xin ly hôn anh không đồng ý.

Anh Q xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị C trình bày là đúng. Các cháu đều đã trưởng thành nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Anh Q cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Anh Ngọc Văn Q là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Ngọc Thị C và anh Ngọc Văn Q được ly hôn nhau; chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Ngọc Văn Q là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc Thị C và anh Ngọc Văn Q kết hôn từ năm 1991, đến ngày 29/10/2003 chị C, anh Q đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Q là hợp pháp; chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Q, Tòa án thụ lý vụ án "Ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị C và anh Q tuy vẫn chung sống cùng nhau nhưng đã ly thân về mặt tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau; nay chị C xác định tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn; mặc dù anh Q mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn, anh Q không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị C. Xét thấy, chị Cvà anh Q đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

[3] Về án phí: Chị C yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51và 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 6 và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngọc Thị C và anh Ngọc Văn Q.

2. Về án phí: Chị Ngọc Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/007117 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động; chị C không phải nộp án phí nữa.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hằng